

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **371/2019/QĐST-HNGĐ**

Thanh Trì, ngày 31 tháng 10 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 539/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N – Sinh năm 1973.

HKTT và chỗ ở: SN 6, ngõ 23, đội 3, xã T, huyện T, Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V– Sinh năm 1967.

HKTT và chỗ ở: SN 6, ngõ 23, đội 3, xã T, huyện T, Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26 và Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Văn V

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 20/02/1999; cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/10/2001; cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/07/2013. Ly hôn anh chị thống nhất thoả thuận, giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2019 đến khi cháu N trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Cháu V, cháu H đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên việc ở với ai do các cháu tự quyết định nên Tòa không xét. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị Kim N tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà anh V phải chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp tại biên lai số AA/2016/0009223 ngày 11/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện T;*
- *UBND UBND phường H, thị xã PT,*
tỉnh Phú Thọ;
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Chương